UBND Xã: Sơn Giang **Biểu số 115/CK TC - NSNN**

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**9.814.688.000**	**4.500.000.000**	**5.314.688.000**	**15.749.385.599**	**10.708.365.000**	**5.041.020.599**	**160,47**	**237,96**	**94,85**
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	700.000.000	700.000.000		7.031.885.000	7.031.885.000		1.004,56	1.004,56	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	47.912.000		47.912.000	34.416.000		34.416.000	71,83		71,83
4	Chi văn hóa, thông tin	750.000.000	650.000.000	100.000.000	687.110.934	626.500.000	60.610.934	91,61	96,38	60,61
5	Chi phát thanh, truyền thanh	40.000.000		40.000.000						
6	Chi thể dục, thể thao	20.000.000		20.000.000	15.300.000		15.300.000	76,50		76,50
7	Chi bảo vệ môi trường	50.000.000		50.000.000	121.200.000		121.200.000	242,40		242,40
8	Chi các hoạt động kinh tế	1.760.000.000	1.650.000.000	110.000.000	3.579.336.200	2.840.980.000	738.356.200	203,37	172,18	671,23
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.570.457.845	1.500.000.000	4.070.457.845	3.609.023.463	209.000.000	3.400.023.463	64,79	13,93	83,53
10	Chi cho công tác xã hội	210.891.600		210.891.600	322.907.000		322.907.000	153,12		153,12
11	Chi khác	524.097.555		524.097.555	348.207.002		348.207.002	66,44		66,44
12	Dự phòng	141.329.000		141.329.000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
14	Nộp trả ngân sách cấp trên									